

CÔNG TY CP DOMENAL

Mã cổ phiếu: DMN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 75/CV/2026/DMN

Đồng Tháp, ngày 29 tháng 08 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công Ty Cổ phần Domenal thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

- Mã chứng khoán: DMN
- Địa chỉ: Quốc lộ 30, ấp Nguyễn Văn Đùng, xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp
- Điện thoại: 039 5551044
- Email: ngocyen.dmn@gmail.com hoặc vodinhhai2011@gmail.com
- Website: <http://domenal.com.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố:

BCTC Giữa Niên Độ Đã Được Soát Xét Năm 2026

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC:

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại:

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 29/08/2026 tại đường dẫn: <http://domenal.com.vn/quan-he-co-dong.html>

Trân trọng!

Tài liệu đính kèm:

- BCTC Giữa Niên Độ
- Đã Được Soát Xét Năm 2026
- Văn bản giải trình

Nơi gửi:

- Như kính gửi
- HĐQT, BKS đề b/c
- Công bố thông tin
- Lưu VP Cty



CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026
đến ngày 30 tháng 06 năm 2026



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 – 38

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Đùng, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Domenal (sau đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Domenal là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1400641835 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 03 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp và được thay đổi lần thứ 20 ngày 31 tháng 07 năm 2026 do Sở Tài Chính tỉnh Đồng Tháp cấp.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận đăng ký giao dịch trên thị trường UpCoM theo Quyết định số 625/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Thông báo số 3397/TB-SGDHN ngày 15 tháng 11 năm 2021:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: DMN
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 12.500.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 125.000.000.000 VND
- Ngày giao dịch đầu tiên: ngày 22 tháng 11 năm 2021.

Trụ sở chính và nhà máy:

- Địa chỉ : Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Đùng, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
- Điện thoại : 0277 3 890 711
- Fax : 0277 3 890 717

Nghành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hóa chất dùng trong nông nghiệp;
- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm (chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản);
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu (chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu phân bón, các loại hóa chất);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Kho bãi và lưu gửi hàng hoá.

Trong kỳ, hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh thức ăn cho thủy sản.

2. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Quản lý điều hành

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Quản lý điều hành của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và Tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm và miễn nhiệm
Ông Võ Đình Ân	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Tái bổ nhiệm từ ngày 24/04/2024
Ông Nguyễn Thanh Hà	Thành viên	Tái bổ nhiệm từ ngày 24/04/2024
Ông Võ Đình Hải	Thành viên	Tái bổ nhiệm từ ngày 24/04/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Đường, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**Ban Kiểm soát**

Họ và Tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm và miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Trưởng ban kiểm soát	Bổ nhiệm từ ngày 26/11/2024
Bà Lê Thị Bảo Trâm	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 24/04/2024
Bà Phan Thị Cẩm Hương	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 24/04/2024

Ban Quản lý điều hành

Họ và Tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm và miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Hà	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm từ ngày 24/04/2024
Bà Nguyễn Thị Kiều	Kế toán trưởng	Tái bổ nhiệm từ ngày 24/04/2024

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Thanh Hà	Tổng Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026 và tình hình tài chính vào cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026.

Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Tổng Giám đốc Công ty phải:

- Chọn lựa phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Đứng, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

7. Công bố các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Tổng Giám đốc Công ty công bố Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



NGUYỄN THANH HÀ

Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 08 năm 2026



Số: 135/2026/BCSX-HCM.00247

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Quý cổ đông**
Các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám Đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Domenal (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 8 năm 2026, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Domenal tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



TRANG ĐẮC NHA
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2023-009-1
Người được ủy quyền
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Dừng, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		214.810.234.631	248.718.892.708
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	1.214.678.609	3.005.334.258
Tiền	111		1.214.678.609	3.005.334.258
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		8.278.356.164	8.000.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	5.2.1	8.278.356.164	8.000.000.000
Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		-	-
Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		164.964.206.935	168.878.707.149
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	162.103.589.473	152.832.310.077
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	2.674.385.150	15.877.664.760
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	135	5.5	186.232.312	168.732.312
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136		-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
Hàng tồn kho	140	5.6	39.684.684.717	68.201.549.210
Hàng tồn kho	141		39.684.684.717	68.201.549.210
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		-	-
Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	160		668.308.206	633.302.091
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	5.7.1	483.586.304	401.508.771
Thuế GTGT được khấu trừ	162		184.721.902	231.793.320
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	165		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Đùng, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		206.230.996.700	207.202.716.487
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu dài hạn khác	215		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
Tài sản cố định	220		65.452.492.892	67.988.117.132
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	54.918.657.727	57.454.281.967
Nguyên giá	222		129.008.851.225	129.008.851.225
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(74.090.193.498)	(71.554.569.258)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	10.533.835.165	10.533.835.165
Nguyên giá	228		10.563.835.165	10.563.835.165
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(30.000.000)	(30.000.000)
Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
Nguyên giá	234		-	-
Giá trị khấu hao lũy kế	235		-	-
Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn	238		-	-
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	250		-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	260	5.2.2	137.400.000.000	137.400.000.000
Đầu tư vào công ty con	261		108.000.000.000	108.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		29.400.000.000	29.400.000.000
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	265		-	-
Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266		-	-
Tài sản dài hạn khác	270		3.378.503.808	1.814.599.355
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	5.7.2	3.378.503.808	1.814.599.355
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
Tài sản dài hạn khác	274		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		421.041.231.331	455.921.609.195

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Đứng, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		238.879.991.563	277.678.399.679
Nợ ngắn hạn	310		216.711.575.213	243.443.983.329
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	12.452.236.084	5.834.729.925
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	21.083.347.869	50.267.733.369
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	5.12	205.875.000	205.875.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	5.13	1.716.670.014	4.726.853.286
Phải trả người lao động	315	5.14	759.594.424	1.016.874.283
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	5.15	757.713.208	631.601.485
Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	320	5.16.1	678.593.646	550.107.523
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	5.17.1	179.057.544.968	180.210.208.458
Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
Quỹ bình ổn giá	324		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
Nợ dài hạn	330		22.168.416.350	34.234.416.350
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		-	-
Phải trả dài hạn khác	338	5.16.2	10.000.000.000	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	5.17.2	12.168.416.350	34.234.416.350
Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Đứng, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.18	182.161.239.768	178.243.209.516
Vốn góp của chủ sở hữu	411		125.000.000.000	125.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		125.000.000.000	125.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		5.974.148.571	5.974.148.571
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		51.187.091.197	47.269.060.945
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		47.269.060.945	32.169.240.919
LNST chưa phân phối kỳ này	420b		3.918.030.252	15.099.820.026
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		421.041.231.331	455.921.609.195

NGUYỄN THỊ KIỀU

Người lập/ Kế toán trưởng

**NGUYỄN THANH HÀ**

Người đại diện theo pháp luật

Phê duyệt, ngày 25 tháng 08 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Đừng, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	314.621.244.082	245.534.364.950
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	-	303.000.000
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		314.621.244.082	245.231.364.950
Giá vốn hàng bán	11	6.3	298.982.886.418	225.674.991.380
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.638.357.664	19.556.373.570
Lãi/(lỗ) của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	22	6.4	281.321.519	473.007.379
Chi phí tài chính	23	6.5	7.377.598.694	7.084.788.833
- Trong đó: chi phí đi vay	24		7.377.283.420	7.046.288.086
Chi phí bán hàng	25	6.6	1.250.147.512	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	1.691.238.787	1.334.483.686
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.600.694.190	11.610.108.430
Thu nhập khác	31	6.8	10.847.520	51.367.280
Chi phí khác	32	6.9	50.708.823	2.147.672
Lợi nhuận/ (lỗ) khác	40		(39.861.303)	49.219.608
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.560.832.887	11.659.328.038
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.13	1.642.802.635	2.332.295.142
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.918.030.252	9.327.032.896

**NGUYỄN THỊ KIỀU**

Người lập/ Kế toán trưởng

**NGUYỄN THANH HÀ**

Người đại diện theo pháp luật

Phê duyệt, ngày 25 tháng 08 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Đứng, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		5.560.832.887	11.659.328.038
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.535.624.240	2.933.612.059
Các khoản dự phòng	03		-	-
(Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		315.274	57.602
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	6.3	(281.321.519)	(897.634)
Chi phí đi vay	06	6.4	7.377.283.420	7.046.288.086
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		15.192.734.302	21.638.388.151
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.964.536.987	(40.211.806.842)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		28.516.864.493	6.396.200.767
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(12.717.218.188)	15.492.349.966
Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(1.645.981.986)	113.967.752
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Chi phí đi vay đã trả	14		(7.232.510.757)	(6.780.585.473)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	5.13	(4.650.101.736)	(2.010.000.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		21.428.323.115	(5.361.485.679)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		-	(495.290.083)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-	(495.290.083)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	242.938.675.640	189.540.563.954
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(266.157.339.130)	(181.296.718.887)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(23.218.663.490)	8.243.845.067
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		(1.790.340.375)	2.387.069.305
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60		3.005.334.258	81.407.248
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		315.274	(57.602)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	5.1	1.214.678.609	2.468.418.951


NGUYỄN THỊ KIỀU

Người lập/ Kế toán trưởng

**NGUYỄN THANH HÀ**

Người đại diện theo pháp luật

Phê duyệt, ngày 25 tháng 08 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Dừng, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Domenal là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1400641835 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 03 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp và được thay đổi lần thứ 20 ngày 31 tháng 07 năm 2026 do Sở Tài Chính tỉnh Đồng Tháp cấp.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: sản xuất, kinh doanh thức ăn cho thủy sản.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp**Công ty con**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Thủy sản Hiệp Thành Phát	Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Dừng, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.	100,00%	100,00%	100,00%

Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty Cổ phần Thủy sản Trường Phát	Lô 06A, đường Trục Chính, KCN Trà Nóc 1, Phường An Thới Đông, TP. Cần Thơ	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	39,20%	39,20%	39,20%

1.6 Số lượng người lao động

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, số lượng người lao động của Công ty là 74 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 71 người).

1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này. Trong kỳ, Công ty lần đầu tiên áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính ("Thông tư 99") thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"). Theo đó, một số khoản mục trên Báo cáo tài chính đã được tái phân loại và đổi tên theo quy định mới. Số liệu cột "Số đầu kỳ" và cột "Kỳ trước" trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được trình bày lại theo cách phân loại và tên gọi mới của Thông tư 99 để đảm bảo tính so sánh được. Các thay đổi này không làm ảnh hưởng đến tổng giá trị tài sản, tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Dừng, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

1.8 Thông tin khác

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên thị trường UPCoM (Hệ thống giao dịch chứng khoán chưa niêm yết) thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán "DMN" theo Quyết định số 625/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Sở Giao dịch Chứng khoán, số lượng cổ phiếu niêm yết là 12.500.000 cổ phiếu. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 22 tháng 11 năm 2021.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 ("Thông tư 99") và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN, ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN VÀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền) và theo nguyên tắc giá gốc.

4.2 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính (trừ các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi) được đánh giá lại theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

Riêng số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ, Công ty đánh giá lại số dư tất cả các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tiền gửi.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ). Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính phải trình bày vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo số thuần giữa tổng số lãi và tổng số lỗ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

99-
TY
H
ÁN
NAM
CHÍ

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (tính từ ngày mua đến ngày đáo hạn), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro đáng kể trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Các khoản tiền và tương đương tiền bị hạn chế sử dụng không được trình bày tại chỉ tiêu này mà trình bày tại chỉ tiêu "Tài sản ngắn hạn khác" hoặc "Tài sản dài hạn khác" tùy theo thời hạn hạn chế sử dụng.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác hoặc có bản chất tương tự và không bao gồm các công cụ phái sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua (phí giao dịch, hoa hồng môi giới,...). Lãi dồn tích từ kỳ trước tính đến ngày mua được ghi giảm trừ vào giá gốc của khoản đầu tư tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc. Thu nhập lãi sau ngày mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên cơ sở dự thu.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy, tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư. Trường hợp các bằng chứng tổn thất giảm đi hoặc không còn trong kỳ sau, phần tổn thất đã ghi nhận được hoàn nhập và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (chi phí giao dịch, môi giới, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng,...). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được theo dõi theo giá gốc.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Đùng, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ hoặc khoản đầu tư vào đơn vị khác bị suy giảm giá trị dẫn đến nhà đầu tư có khả năng bị mất vốn. Mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn và nguyên tệ.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng hoặc từng dịch vụ cung cấp dở dang có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm dự phòng tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian phù hợp với thời gian tạo ra lợi ích kinh tế tương ứng. Chi phí chờ phân bổ dài hạn không được tái phân loại thành chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khi lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Đùng, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Thời gian phân bổ các chi phí chờ phân bổ chủ yếu của Công ty như sau:

Chi phí công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tài sản cố định

Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tài sản cố định khi hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào chi phí SXKD cho đến kỳ bảo dưỡng tiếp theo, trong 03 năm.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tài sản cố định hữu hình khi hoàn thành, bàn giao TSCĐ đưa vào sử dụng được phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ bảo dưỡng tiếp theo. Bỏ

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	09-25
Máy móc và thiết bị	04-15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06-08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04
Tài sản cố định khác	04

4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ và các chi phí liên quan trực tiếp khác. Quyền sử dụng đất ổn định lâu dài không tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt, bao gồm cả chi phí đi vay được vốn hóa phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao cho đến khi hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng. Khi hoàn thành, toàn bộ chi phí được kết chuyển sang khoản mục phù hợp tùy theo mục đích sử dụng thực tế, bao gồm tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, bất động sản đầu tư hoặc hàng tồn kho và được xem xét tính khấu hao từ thời điểm đưa vào sử dụng.

Chi phí nâng cấp, cải tạo tài sản cố định đang thực hiện được tập hợp riêng và khi hoàn thành, bàn giao tài sản cố định đưa vào sử dụng được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định tương ứng.

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản chi phí thực tế đã phát sinh hoặc được ước tính hợp lý nhưng chưa có đủ hồ sơ, chứng từ để ghi nhận chính thức, bao gồm: các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận nhưng chưa có hóa đơn; các khoản trích trước chi phí sản xuất kinh doanh như lương nghỉ phép, chi phí bảo hành và các khoản trích trước khác theo quy định.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi Công ty không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức cho các cổ đông góp vốn theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ của doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Dường, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi Công ty hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng bằng việc chuyển giao quyền kiểm soát hàng hóa, thành phẩm cho khách hàng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi Công ty hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hóa là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công. Giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công được theo dõi riêng và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.15 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các khoản này được theo dõi riêng và kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại, Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu các khoản giảm trừ phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: đây là sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
- Nếu các khoản giảm trừ phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: được ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

4.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ khi đủ điều kiện được vốn hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Đùng, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, là tài sản cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán, được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hóa chi phí đi vay bắt đầu khi đồng thời thỏa mãn cả ba điều kiện:

- Chi phí cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đã phát sinh;
- Chi phí đi vay đã phát sinh; và
- Các hoạt động cần thiết để chuẩn bị đưa tài sản vào sử dụng hoặc bán đang được tiến hành.

Việc vốn hóa tạm ngừng trong các giai đoạn quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bị gián đoạn một cách bất thường. Việc vốn hóa chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết để chuẩn bị đưa tài sản vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

Đối với khoản vay riêng biệt phục vụ việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, chi phí đi vay được vốn hóa là chi phí đi vay thực tế phát sinh trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của khoản vay này.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa áp dụng cho chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.17 Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Chi phí được ghi nhận ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn.

Khi Công ty ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng bao gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất của giao dịch và các chuẩn mực kế toán Việt Nam để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

4.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chính sách kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025, Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định pháp luật khác có liên quan. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ, các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Hàng quý, Công ty xác định và ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp theo tờ khai thuế. Cuối năm tài chính, Công ty xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp theo tờ khai quyết toán và điều chỉnh chênh lệch so với số đã tạm ghi nhận trong năm.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.19 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Tính chất rủi ro và lợi ích kinh tế là căn cứ chủ yếu để xác định báo cáo bộ phận chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý. Nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về sản phẩm và dịch vụ thì báo cáo chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo thứ yếu theo khu vực địa lý. Ngược lại, nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về khu vực địa lý thì báo cáo chính yếu được lập theo khu vực địa lý và báo cáo thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh. Cơ cấu tổ chức, quản lý và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Công ty là cơ sở chính để xác định báo cáo bộ phận chính yếu hay thứ yếu.

Một bộ phận phải báo cáo khi phần lớn doanh thu có nguồn gốc từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài và đáp ứng ít nhất một trong các ngưỡng: doanh thu của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng doanh thu của tất cả các bộ phận; kết quả kinh doanh của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận có lãi hoặc tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận bị lỗ (tùy theo giá trị tuyệt đối nào lớn hơn); hoặc tổng tài sản của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng tài sản của tất cả các bộ phận.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

4.20 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung.

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

- Công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến ảnh hưởng đáng kể đến Công ty (bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này).
- Các thành viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát hoạt động của Công ty (bao gồm Ban điều hành và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này).
- Các doanh nghiệp do các cá nhân thuộc các nhóm trên kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể.

Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi cá nhân đó khi giao dịch với Công ty, bao gồm: vợ/chồng, con đẻ, con nuôi, con riêng và những người phụ thuộc của cá nhân đó hoặc vợ/chồng của họ.

Giao dịch giữa các bên liên quan là việc chuyển giao các nguồn lực hay các nghĩa vụ giữa các bên liên quan, không xét đến việc có tính giá hay không.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Đùng, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Các công ty / đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty	Quan hệ
Công ty TNHH Thủy sản Hiệp Thành Phát	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy sản Trường Phát	Công ty liên kết
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Quản lý điều hành	Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
Tiền mặt	112.604.915	1.198.611
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.097.746.061	-
- Chi nhánh Phú Nhuận		
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	4.327.633	11.645.933
- Chi nhánh Đồng Tháp		
- Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	-	2.992.489.714
	1.214.678.609	3.005.334.258

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 30 tháng 06 năm 2026:

	Gốc ngoại tệ USD	Tương đương VND
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại Ngân hàng	138,48	3.640.085
		3.640.085

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL
 Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Dừng, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

5.2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn				
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	8.000.000.000	8.000.000.000	-	8.000.000.000
- Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (*)				
Lãi dự thu				
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	278.356.164	278.356.164	-	-
- Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh				
	8.278.356.164	8.278.356.164	-	8.000.000.000

(*) Là khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh, có thời hạn gửi là 12 tháng với lãi suất 5%/năm.

5.2.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Đầu tư vào công ty con				
Công ty TNHH Thủy sản Hiệp Thành Phát (1)	108.000.000.000	(*)	-	(*)
Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Thủy sản Trường Phát (2)	29.400.000.000	(*)	-	(*)
	137.400.000.000			137.400.000.000

(1) Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Thủy sản Hiệp Thành Phát với số tiền là 108.000.000.000 VND chiếm tỷ lệ sở hữu 100%. Hoạt động chính của Công ty TNHH Thủy sản Hiệp Thành Phát là Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

(2) Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy sản Trường Phát với số tiền 29.400.000.000 VND sở hữu 2.940.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 39,2% vốn điều lệ. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Thủy sản Trường Phát là Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Đùng, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Tình hình hoạt động của công ty con và công ty liên kết

Công ty con và công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
Phải thu các khách hàng khác				
Đoàn Văn Nê	62.904.884.006	-	44.316.075.504	-
Nguyễn Thị Ngọc Tuyền	18.917.330.500	-	-	-
HTX nuôi trồng thủy sản Thốt Nốt	17.505.290.775	-	47.983.490.775	-
Trần Văn Kiệm	16.681.857.609	-	10.506.076.607	-
Các khách hàng khác	46.094.226.583	-	50.026.667.191	-
	162.103.589.473	-	152.832.310.077	-

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
Trả trước cho người bán khác		
Công ty TNHH Thương mại LGL	1.713.302.000	13.345.000.000
Công ty TNHH Máy và Thiết bị Công nghiệp	584.000.000	584.000.000
Hoá chất Môi trường MECIE	377.083.150	1.948.664.760
Các nhà cung cấp khác	2.674.385.150	15.877.664.760

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Tạm ứng án phí (*)	163.732.312	-	163.732.312	-
Tạm ứng nhân viên	22.500.000	-	5.000.000	-
	186.232.312	-	168.732.312	-

(*) Đây là các khoản tiền Công ty đã tạm nộp cho Toà án để thực hiện việc khởi kiện các khách hàng chậm tiến độ thanh toán công nợ. Các tranh chấp đang trong giai đoạn chờ phán quyết từ Toà án.

5.6 Hàng tồn kho

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	37.545.892.389	-	59.411.792.856	-
Công cụ, dụng cụ	627.378.425	-	305.669.091	-
Sản phẩm	1.511.413.903	-	8.484.087.263	-
	39.684.684.717	-	68.201.549.210	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Đùng, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

5.7 Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn, dài hạn**5.7.1 Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn**

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
Công cụ dụng cụ	198.672.316	159.509.232
Chi phí bảo hiểm	203.433.056	46.422.746
Các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	81.480.932	195.576.793
	483.586.304	401.508.771

5.7.2 Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
Chi phí sửa chữa	2.632.456.730	681.072.070
Công cụ dụng cụ	746.047.078	1.133.527.285
	3.378.503.808	1.814.599.355

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Dừng, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

5.8 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình						
Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	58.441.617.985	65.090.195.313	3.835.130.727	956.443.200	685.464.000	129.008.851.225
Số dư cuối kỳ	58.441.617.985	65.090.195.313	3.835.130.727	956.443.200	685.464.000	129.008.851.225
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	45.175.338.433	22.039.041.653	2.727.746.375	956.443.200	655.999.597	71.554.569.258
Khấu hao trong kỳ	791.934.924	1.677.452.916	55.553.400	-	10.683.000	2.535.624.240
Số dư cuối kỳ	45.967.273.357	23.716.494.569	2.783.299.775	956.443.200	666.682.597	74.090.193.498
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	13.266.279.552	43.051.153.660	1.107.384.352	-	29.464.403	57.454.281.967
Tại ngày cuối kỳ	12.474.344.628	41.373.700.744	1.051.830.952	-	18.781.403	54.918.657.727

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày đầu kỳ	18.492.012.875	12.212.833.940	2.724.062.727	956.443.200	600.000.000	34.985.352.742
Tại ngày cuối kỳ	18.492.012.875	16.137.902.834	2.724.062.727	956.443.200	600.000.000	38.910.421.636

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 39.914.242.308 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận.

Thông tin các tài sản thế chấp như sau:

Tên tài sản	Mã số tài sản	Giá trị còn lại
		VND
Nhà máy sản xuất thức ăn thủy sản	TS011 X	11.923.447.156
Văn phòng Công ty đường Lê Anh Xuân	TS027 P	358.117.729
Kho bao bì	TS037 X	78.412.650
Máy ép đùn model EX1250_Andritz	TS2402	13.653.087.341
Máy sấy khô model CZD3X16XW_Andritz	TS2403	13.901.177.432
Tổng cộng		39.914.242.308

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL
Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Đùng, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Danh mục tài sản cố định hữu hình tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Nguyên giá VND	Hao mòn lũy kế VND	Giá trị còn lại VND
Nhà cửa, vật kiến trúc			
Nhà máy sản xuất thức ăn thủy sản	38.053.555.688	(26.130.108.532)	11.923.447.156
Nhà nổi hơi - kho Than	6.409.111.900	(6.409.111.900)	-
Nhà cửa, vật kiến trúc khác	13.978.950.397	(13.428.052.925)	550.897.472
Máy móc thiết bị			
Máy ép dunn model EX1250 Andritz	15.685.457.652	(2.032.370.311)	13.653.087.341
Máy sấy khô model CZD3X16XW Andritz	15.990.222.643	(2.089.045.211)	13.901.177.432
Máy móc thiết bị khác	33.414.515.018	(19.595.079.047)	13.819.435.971
Phương tiện vận tải			
Xe nâng dầu 3 tấn - TCM	428.759.200	(428.759.200)	-
Xe nâng hiệu TCM model FD30T3	461.448.000	(461.448.000)	-
Xe tải trung chuyển hàng nội bộ	855.055.527	(855.055.527)	-
Xe Ô Tô NISSAN NAVARA EL 66A-46697	674.368.000	(35.954.205)	638.413.795
Phương tiện vận tải khác	1.415.500.000	(1.002.082.843)	413.417.157
Thiết bị dụng cụ quản lý			
Máy hút nguyên liệu rời trong kho	330.000.000	(330.000.000)	-
Máy hút nguyên liệu rời ngoài sông	371.483.200	(371.483.200)	-
Máy hút thổi cân trấu lò hơi	254.960.000	(254.960.000)	-
Tài sản cố định khác			
Công trình tưới nhựa mặt đường	600.000.000	(600.000.000)	-
Hệ thống báo cháy tự động	85.464.000	(66.682.597)	18.781.403
Tổng cộng	129.008.851.225	(74.090.193.498)	54.918.657.727

5.9 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	10.533.835.165	30.000.000	10.563.835.165
Số dư cuối kỳ	10.533.835.165	30.000.000	10.563.835.165
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	30.000.000	30.000.000
Số dư cuối kỳ	-	30.000.000	30.000.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	10.533.835.165	-	10.533.835.165
Tại ngày cuối kỳ	10.533.835.165	-	10.533.835.165

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày đầu kỳ	-	30.000.000	30.000.000
Tại ngày cuối kỳ	-	30.000.000	30.000.000

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất tại QL30, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp có giá trị theo sổ sách là 10.533.835.165 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận.

Danh mục tài sản cố định vô hình tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Nguyên giá VND	Hao mòn lũy kế VND	Giá trị còn lại VND
Quyền sử dụng đất tại QL30, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp	10.533.835.165	-	10.533.835.165
Phần mềm máy tính	30.000.000	(30.000.000)	-
Tổng cộng	10.563.835.165	(30.000.000)	10.533.835.165

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Đùng, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

5.10 Phải trả người bán ngắn hạn

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Công ty TNHH Grainland Việt Nam	4.124.241.000	-
Công ty TNHH Mai Kim Ngân	1.476.469.200	1.431.698.800
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Kim Tuấn	1.778.728.000	-
Vàm Láng		
Các khách hàng khác	5.072.797.884	4.403.031.125
	12.452.236.084	5.834.729.925

5.11 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
Trả trước của các khách hàng khác		
Hồ Thị Kim Thoa	11.465.295.118	47.535.686.118
Nguyễn Thị Ngọc Yến	5.473.048.000	-
Các khách hàng khác	4.145.004.751	2.732.047.251
	21.083.347.869	50.267.733.369

5.12 Phải trả cổ tức, lợi nhuận

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
Cổ tức phải trả cho các cổ đông khác (*)		
Nguyễn Thị Tuyết Lan	30.000.000	30.000.000
Các cổ đông khác	175.875.000	175.875.000
	205.875.000	205.875.000

(*) Đây là khoản tiền cổ tức phải trả đã quá thời hạn thanh toán (số tại ngày đầu kỳ là 205.875.000 VND). Khoản cổ tức này chậm thanh toán là do Công ty chưa nhận được thông tin tài khoản thanh toán của cổ đông. Công ty sẽ thanh toán khoản cổ tức này cho các cổ đông khi các cổ đông cung cấp thông tin tài khoản hoặc đến nhận trực tiếp tại văn phòng Công ty.

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn

	Đầu kỳ Phải nộp VND	Số phát sinh trong kỳ		Cuối kỳ Phải nộp VND
		Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	-	47.071.418	(47.071.418)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.650.101.736	1.642.802.635	(4.650.101.736)	1.642.802.635
Thuế thu nhập cá nhân	76.325.580	83.259.152	(86.465.763)	73.118.969
Thuế tài nguyên	425.970	3.440.520	(3.118.080)	748.410
	4.726.853.286	1.776.573.725	(4.786.756.997)	1.716.670.014

Toàn bộ nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác được thanh toán trong ngắn hạn.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 8% và 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Đừ, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.560.832.887	11.659.328.038
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Chi phí lãi vay không được trừ	2.538.551.467	-
- Các khoản điều chỉnh tăng khác	114.628.823	2.147.672
Thu nhập tính thuế	8.214.013.177	11.661.475.710
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	1.642.802.635	2.332.295.142

Thuế tài nguyên

Công ty nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước thiên nhiên với mức thuế suất là 3%.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

5.14 Phải trả người lao động

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
Tiền lương phải trả	759.594.424	1.016.874.283
	759.594.424	1.016.874.283

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Chi phí lãi vay phải trả	513.653.332	368.880.669
Chi phí tiền điện phải trả	244.059.876	255.789.694
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	-	6.931.122
	757.713.208	631.601.485

5.16 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**5.16.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác		
Kinh phí công đoàn	473.803.202	426.778.202
Bảo hiểm xã hội	98.888.321	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	105.902.123	123.329.321
	678.593.646	550.107.523

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Đừng, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

5.16.2 Phải trả dài hạn khác

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	10.000.000.000	-
	10.000.000.000	-

(*) Là khoản tiền nhận ký quỹ cho các hợp đồng cung cấp thức ăn thủy sản đang thực hiện của Bà Hồ Thị Kim Thoa theo văn bản thỏa thuận ký quỹ số 53/DMN/2026 ngày 30 tháng 06 năm 2026, thời hạn từ ngày 30 tháng 06 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2028.

5.16.3 Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

5.17 Vay ngắn hạn, dài hạn**5.17.1 Vay ngắn hạn**

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận (*)	175.057.544.968	176.210.208.458
Vay dài hạn đến hạn trả các tổ chức, cá nhân khác (xem thuyết minh số 5.17.2)	4.000.000.000	4.000.000.000
	179.057.544.968	180.210.208.458

Chi tiết hợp đồng vay ngắn hạn như sau:

(*) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận

Hợp đồng : 02/2025/8149071/HĐTD ngày 17/10/2025

Hạn mức tín dụng : 180.000.000.000 VND

Mục đích : Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C

Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng hạn mức nhưng tối đa không vượt quá ngày 30/09/2026, tùy thời điểm nào tới trước.

Lãi suất : 7,30% - 8,48%/năm (tùy theo quy định của ngân hàng theo từng thời kỳ)

Hình thức đảm bảo : Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có thuộc dự án đầu tư máy móc thiết bị để phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Domenal tại địa chỉ: Quốc lộ 30, Ấp 1, xã Phong Mỹ, tỉnh Đồng Tháp. Gồm Máy nghiền (theo HĐ số 111-2614 ngày 02/03/2023), máy ép đùn Ex1250 và máy sấy CZD3x16XW. Quyền sử dụng đất tại QL30, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL
Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Dũng, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
BẢN THUYẾT MINH BAO CẢO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số tiền vay phát sinh trong kỳ VND	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn VND	Số tiền vay đã trả trong kỳ VND	Cuối kỳ VND
Kỳ này				
Vay ngắn hạn ngân hàng	176.210.208.458	242.938.675.640	-	175.057.544.968
Vay dài hạn đến hạn trả	4.000.000.000	-	2.066.000.000	4.000.000.000
	180.210.208.458	242.938.675.640	2.066.000.000	179.057.544.968
Kỳ trước				
Vay ngắn hạn ngân hàng	169.754.695.762	467.954.512.687	-	176.210.208.458
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000
	169.754.695.762	467.954.512.687	4.000.000.000	180.210.208.458

5.17.2 Vay dài hạn

Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận (*)	12.168.416.350	14.234.416.350
Vay Bà Hồ Thị Kim Thoa	-	20.000.000.000
	12.168.416.350	34.234.416.350

Chi tiết hợp đồng vay dài hạn như sau:

(*) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận
Hợp đồng : 01/2023/8149071/HBTD ngày 17/07/2023 và PL01 ngày 01/07/2024
Hạn mức tín dụng : 23.483.000.000 VND
Mục đích : Đầu tư máy móc thiết bị để phục vụ sản xuất kinh doanh
Thời hạn cấp hạn mức : 120 tháng (tính từ ngày 11/07/2023)
Lãi suất : 7,00% - 8,40%/năm (tùy theo quy định của ngân hàng theo từng thời kỳ) áp dụng lãi suất thả nổi theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân và được điều chỉnh 6 tháng/lần vào ngày 01/01 và 01/07 hàng năm. Lãi suất cho vay kể từ ngày 01/07/2024 bằng lãi suất tiết kiệm dân cư bằng đồng việt nam kỳ hạn 24 tháng trả lãi cuối kỳ của BIDV niêm yết + 3,1%/năm.
Hình thức đảm bảo : Dây chuyền nghiền mịn cho máy nghiền RMPF 116 và Máy sàng BCMT 1250 trị giá 7.049.663.608 VND; Hệ thống máy ép đùn Ex1250 và máy sấy CZD3x16XW trị giá 17.068.670.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL
Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Dừng, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Số dư cuối kỳ : 16.168.416.350 VND
Trong đó: Số dư nợ gốc: 12.168.416.350 VND;
Số dư nợ đến hạn trả: 4.000.000.000 VND

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ VND	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND
Cuối kỳ				
Vay dài hạn ngân hàng	12.168.416.350	4.000.000.000	8.168.416.350	-
Vay dài hạn các cá nhân	-	-	-	-
	12.168.416.350	4.000.000.000	8.168.416.350	-
Đầu kỳ				
Vay dài hạn ngân hàng	14.234.416.350	4.000.000.000	10.234.416.350	-
Vay dài hạn các cá nhân	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
	34.234.416.350	4.000.000.000	30.234.416.350	-

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

Kỳ này	Đầu kỳ VND	Số tiền vay phát sinh trong kỳ VND	Số tiền vay đã trả trong kỳ VND	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn VND	Cuối kỳ VND
Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	14.234.416.350	-	-	(2.066.000.000)	12.168.416.350
- Chi nhánh Phú Nhuận (1)	20.000.000.000	-	(20.000.000.000)	-	-
Vay bà Hồ Thị Kim Thoa	34.234.416.350	-	(20.000.000.000)	(2.066.000.000)	12.168.416.350
Kỳ trước					
Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	21.634.416.350	655.000.000	-	(4.000.000.000)	14.234.416.350
- Chi nhánh Phú Nhuận (1)	20.000.000.000	-	-	-	20.000.000.000
Vay bà Hồ Thị Kim Thoa	41.634.416.350	655.000.000	-	(4.000.000.000)	34.234.416.350

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Đùng, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

5.18 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")**5.18.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2025	125.000.000.000	5.974.148.571	32.169.240.919	163.143.389.490
Lãi trong kỳ	-	-	9.327.032.896	9.327.032.896
Tại ngày 30/06/2025	125.000.000.000	5.974.148.571	41.496.273.815	172.470.422.386
Tại ngày 01/07/2025	125.000.000.000	5.974.148.571	41.496.273.815	172.470.422.386
Lãi trong kỳ	-	-	5.772.787.130	5.772.787.130
Tại ngày 31/12/2025	125.000.000.000	5.974.148.571	47.269.060.945	178.243.209.516
Tại ngày 01/01/2026	125.000.000.000	5.974.148.571	47.269.060.945	178.243.209.516
Lãi trong kỳ	-	-	3.918.030.252	3.918.030.252
Tại ngày 30/06/2026	125.000.000.000	5.974.148.571	51.187.091.197	182.161.239.768

5.18.2 Chi tiết vốn góp của cổ đông

Cổ đông	Cuối kỳ			Đầu kỳ		
	Cổ phần	VND	Tỷ lệ (%)	Cổ phần	VND	Tỷ lệ (%)
Ông Võ Đình Ân	8.996.720	89.967.200.000	71,97%	8.996.720	89.967.200.000	71,97%
Các cổ đông khác	3.503.280	35.032.800.000	28,03%	3.503.280	35.032.800.000	28,03%
	12.500.000	125.000.000.000	100,00%	12.500.000	125.000.000.000	100,00%

5.18.3 Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.500.000	12.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành / bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	12.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	12.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND.

5.18.4 Phân phối lợi nhuận dự kiến

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 42/NQ/2026/DMN ngày 27 tháng 05 năm 2026 về phương án phân phối lợi nhuận trong năm. Theo đó, Công ty sẽ thực hiện tăng vốn điều lệ thông qua hình thức phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 10:4. Việc phát hành này sẽ làm tăng vốn điều lệ của Công ty từ 125.000.000.000 VND lên 174.999.900.000 VND. Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty đang triển khai các thủ tục pháp lý cần thiết với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và cơ quan đăng ký kinh doanh để hoàn tất việc tăng vốn nêu trên.

Lợi nhuận sau thuế năm 2025 sẽ được phân phối bằng cách phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu chi tiết như sau:

- Số lượng phát hành: 5.000.000 cổ phiếu.
- Giá trị phát hành dự kiến tính theo mệnh giá là 50.000.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Đứng, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền cổ tức.
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 10:4 mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được nhận 01 quyền nhận thêm cổ phiếu. Cứ 10 quyền nhận thêm cổ phiếu sẽ được nhận thêm 04 cổ phiếu mới.
- Tỷ lệ phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/ số lượng cổ phiếu đang lưu hành): 40%

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn thời điểm phát hành thích hợp để đảm bảo quyền lợi của cổ đông và theo quy định của pháp luật.

5.19 Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ

5.19.1 Tài sản nhận cầm cố, thế chấp

Tài sản nhận cầm cố, thế chấp	Mục đích cầm cố, thế chấp	Thời gian cầm cố, thế chấp	Bên cầm cố, thế chấp
Tiền nhận ký quỹ (xem thuyết minh 5.16.2)	Thực hiện hợp đồng mua bán thức ăn thủy sản	24 tháng	Bà Hồ Thị Kim Thoa

5.19.2 Tài sản cầm cố, thế chấp

	Giá trị sổ sách		Thời gian cầm cố, thế chấp	Bên nhận cầm cố, thế chấp
	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND		
Tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh 5.8)	39.914.242.308	13.266.278.211	120 tháng	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận
Tài sản cố định vô hình (xem thuyết minh 5.9)	10.533.835.165	10.533.835.165	120 tháng	
	50.448.077.473	23.800.113.376		

5.19.3 Ngoại tệ các loại

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Dollar Mỹ (USD)	138,48	151,68

5.19.4 Nợ khó đòi đã xử lý

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND	Nguyên nhân xóa sổ
Nguyễn Văn Tâm	2.463.050.588	2.463.050.588	Nợ không có khả năng thu hồi được xử lý trong năm 2024
Nguyễn An Khanh	62.237.100	62.237.100	
Nguyễn Văn Dạng	1.197.929.150	1.197.929.150	
Phạm Thị Kiều	1.002.548.330	1.002.548.330	
Nguyễn Kim Khiết	2.620.588.810	2.620.588.810	
Huỳnh Văn Thi	1.033.673.825	1.033.673.825	
Võ Văn Hồng	1.937.321.206	1.937.321.206	
Võ Văn Bé	38.282.433	38.282.433	
Trần Văn Phúc	604.516.663	604.516.663	
Phan Thị Mơ	4.831.250	4.831.250	
Phan Văn Dũng	462.978.775	462.978.775	
Phạm Thanh Trà	523.626.972	523.626.972	
Công ty Cổ phần STEVINA	680.000.000	680.000.000	
Công ty TNHH Việt Thuận Tiến	57.840.000	57.840.000	
Nguyễn Thị Thúy Vi	180.641.217	180.641.217	

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Đùng, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND	Nguyên nhân xóa sổ
Trần Văn Thức	104.952.643	104.952.643	
Huỳnh Thanh Bình	1.553.290.285	1.553.290.285	
Trần Hữu Nghĩa	3.190.231.260	3.190.231.260	
Lê Thanh Vân	22.403.178	22.403.178	
Doanh nghiệp tư nhân Thanh Hải	3.400.000.000	3.400.000.000	
Công ty TNHH MTV Minh Chánh	2.697.792.212	2.697.792.212	
Nguyễn Văn Niên	474.425.214	474.425.214	
Phạm Minh Phương	20.580.509	20.580.509	
Hà Thanh Nhựt	1.067.396.819	1.067.396.819	
Đặng Thụy Tường	2.086.190.537	2.086.190.537	
Hồ Văn Đệ	197.405.000	197.405.000	
	27.684.733.976	27.684.733.976	

- 5.20 Giá trị các tài sản đang nắm giữ của các bên khác nhưng bị giới hạn sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các khoản nợ phải trả có nghĩa vụ phải thanh toán theo thỏa thuận hợp đồng hoặc theo quy định của pháp luật**

Công ty không có tài sản đang nắm giữ của các bên khác bị giới hạn sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các khoản nợ phải trả mà Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán theo thỏa thuận hợp đồng hoặc theo quy định của pháp luật.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

6.1.1 Tổng doanh thu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán sản phẩm	264.713.504.800	240.969.398.950
Doanh thu bán hàng hóa	42.548.086.100	174.000.000
Doanh thu bán nguyên liệu, vật liệu	7.177.835.000	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	181.818.182	4.390.966.000
	314.621.244.082	245.534.364.950

6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Công ty TNHH Thủy sản Hiệp Thành Phát	181.818.182	-
	181.818.182	-

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Hàng bán bị trả lại	-	303.000.000
	-	303.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Đùng, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

6.3 Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn bán sản phẩm	254.056.182.872	222.702.625.763
Giá vốn bán hàng hóa	39.270.849.936	168.000.000
Giá vốn bán nguyên liệu, vật liệu	5.655.853.610	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	2.804.365.617
	298.982.886.418	225.674.991.380

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	281.321.519	897.634
Lãi bán hàng trả chậm	-	472.109.745
	281.321.519	473.007.379

6.5 Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí đi vay	7.377.283.420	7.046.288.086
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	38.443.145
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	315.274	57.602
	7.377.598.694	7.084.788.833

6.6 Chi phí bán hàng

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên bán hàng	1.098.197.614	-
Cước vận chuyển	151.949.898	-
	1.250.147.512	-

6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	614.864.345	597.939.879
Chi phí khấu hao tài sản cố định	95.734.476	103.063.227
Chi phí tiếp khách	121.235.904	66.755.078
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	859.404.062	566.725.502
	1.691.238.787	1.334.483.686

6.8 Thu nhập khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền bồi thường hao hụt	10.847.520	51.367.280
	10.847.520	51.367.280

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Dừng, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

6.9 Chi phí khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Phạt do vi phạm hành chính	50.000.000	-
Các chi phí khác	708.823	2.147.672
	50.708.823	2.147.672

6.10 Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

6.11 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí mua hàng hóa đã bán	39.270.849.936	-
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	244.652.242.910	211.080.714.885
Chi phí nhân công	4.796.874.454	3.331.626.942
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.535.624.240	2.933.612.059
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.921.174.398	9.241.860.962
Chi phí khác	7.747.506.779	421.660.218
	301.924.272.717	227.009.475.066

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**7.1 Tiền thu từ đi vay**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	242.938.675.640	189.540.563.954
	242.938.675.640	189.540.563.954

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	266.157.339.130	181.296.718.887
	266.157.339.130	181.296.718.887

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC**8.1 Tài sản tiềm tàng**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Công ty đang là nguyên đơn trong vụ kiện các khách hàng mua thức ăn thủy sản vi phạm hợp đồng kinh tế Công ty đang chờ phán quyết từ Tòa án. Tổng Giám đốc đánh giá khả năng Công ty nhận được khoản bồi thường này là rất cao. Tuy nhiên, do chưa có phán quyết cuối cùng có hiệu lực pháp luật, Công ty chưa ghi nhận khoản thu nhập này trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tiếp tục theo dõi như một tài sản tiềm tàng.

8.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Dường, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

8.2.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Quản lý điều hành (Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Họ Tên	Chức vụ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Nguyễn Thanh Hà	Tổng Giám đốc	116.200.000	102.240.000
Ông Võ Đình Hải	Thành viên hội đồng quản trị	-	45.240.000
Bà Nguyễn Thị Kiều	Kế toán trưởng	66.000.000	48.000.000
		182.200.000	195.480.000

8.2.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Giao dịch phát sinh với công ty con và công ty liên kết như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Công ty TNHH Thủy sản Hiệp Thành Phát		
- Cung cấp dịch vụ - cho thuê lại đất	181.818.182	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có công nợ với các bên liên quan khác.

8.3 Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là sản xuất, kinh doanh thức ăn cho thủy sản và ở khu vực địa lý duy nhất là Khu vực Miền tây - Việt Nam.

8.4 Số liệu so sánh**8.4.1 Áp dụng thay đổi chính sách kế toán, quy định kế toán mới**

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026 là kỳ đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 99 thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Đùng, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Việc chuyển đổi sang Thông tư 99 được thực hiện theo các phương pháp sau:

- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 có hướng dẫn chuyển đổi cụ thể, Công ty thực hiện theo hướng dẫn đó.
- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 không có quy định phải điều chỉnh hồi tố hoặc hồi tố đơn giản, Công ty áp dụng phương pháp phi hồi tố.

8.4.2 Ảnh hưởng của việc áp dụng quy định kế toán mới, thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh các sai sót

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh VND	Các điều chỉnh VND	Số liệu sau điều chỉnh VND	Ghi chú
Báo cáo tình hình tài chính					
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	-	205.875.000	205.875.000	(i)
Phải trả ngắn hạn khác	320	755.982.523	(205.875.000)	550.107.523	(i)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ					
(Tăng), giảm các khoản phải thu	09	(40.212.704.476)	897.634	(40.211.806.842)	(ii)
Tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	897.634	(897.634)	-	(ii)
Thuyết minh Báo cáo tài chính					
Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		235.778.008.344	(8.768.533.278)	227.009.475.066	(iii)

(i) Trình bày số dư khoản Phải trả cổ tức, lợi nhuận từ khoản mục Phải trả ngắn hạn khác với giá trị là 205.875.000 VND.

(ii) Loại trừ khoản thu lãi tiền gửi không có kỳ hạn với số tiền là 897.634 VND ra khỏi chỉ tiêu Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

(iii) Trình bày lại số so sánh kỳ trước của khoản chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố.

8.5 Các giả định và ước tính quan trọng

Trong việc lập Báo cáo tài chính, Tổng Giám đốc đã thực hiện các giả định và ước tính có ảnh hưởng đến số liệu tài sản, nợ phải trả, doanh thu và chi phí. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính này. Các giả định và ước tính quan trọng được Tổng Giám đốc đánh giá và cập nhật thường xuyên dựa trên kinh nghiệm lịch sử và các yếu tố liên quan khác.

Các ước tính dưới đây được Tổng Giám đốc xác định là có khả năng ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính trong kỳ kế toán tiếp theo nếu các giả định thay đổi.

Ước tính thời gian sử dụng hữu ích và giá trị thu hồi của tài sản cố định

Công ty ước tính thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định dựa trên đánh giá kỹ thuật và kinh nghiệm sử dụng thực tế. Sự không chắc chắn phát sinh từ việc thay đổi công nghệ, cường độ sử dụng và điều kiện bảo dưỡng thực tế khác với giả định ban đầu, dẫn đến thời gian sử dụng thực tế có thể ngắn hơn hoặc dài hơn ước tính.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, tổng nguyên giá tài sản cố định là 129.008.851.225 VND, giá trị còn lại 54.918.657.727 VND.

Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thời gian sử dụng hữu ích thực tế khác biệt đáng kể so với ước tính là thấp đối với phần lớn tài sản.

Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp sau:

- Rà soát và điều chỉnh thời gian sử dụng hữu ích định kỳ hàng năm.
- Thực hiện bảo dưỡng định kỳ theo đúng quy trình kỹ thuật.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp Nguyễn Văn Đùng, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

- Đánh giá dấu hiệu tổn thất tài sản tại mỗi ngày báo cáo theo quy định.
- Lập kế hoạch đầu tư thay thế tài sản kịp thời để tránh gián đoạn sản xuất kinh doanh.

Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp

Việc xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và tài sản thuế hoãn lại đòi hỏi Tổng Giám đốc thực hiện các giả định về khả năng áp dụng các quy định thuế hiện hành, khả năng tạo ra lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng tài sản thuế hoãn lại và rủi ro bị cơ quan thuế điều chỉnh khi kiểm tra quyết toán thuế.

Tổng Giám đốc đánh giá khả năng lợi nhuận tính thuế thực tế thấp hơn đáng kể so với kế hoạch là thấp dựa trên kết quả kinh doanh các năm gần đây và kế hoạch kinh doanh được phê duyệt.

Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp sau:

- Rà soát định kỳ khả năng thu hồi tài sản thuế hoãn lại hàng năm.
- Tham vấn chuyên gia thuế về việc áp dụng các quy định thuế đối với các giao dịch phức tạp.
- Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ chứng từ để sẵn sàng giải trình khi được kiểm tra thuế.
- Theo dõi sát diễn biến chính sách thuế và điều chỉnh ước tính kịp thời.

8.6 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán riêng giữa niên độ

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 42/NQ/2026/DMN ngày 27 tháng 05 năm 2026 về phương án phân phối lợi nhuận trong năm. Theo đó, Công ty sẽ thực hiện tăng vốn điều lệ thông qua hình thức phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 10:4. Việc phát hành này sẽ làm tăng vốn điều lệ của Công ty từ 125.000.000.000 VND lên 174.999.900.000 VND. Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty đang triển khai các thủ tục pháp lý cần thiết với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và cơ quan đăng ký kinh doanh để hoàn tất việc tăng vốn nêu trên.

Ngoài sự kiện này ra, Công ty không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

NGUYỄN THỊ KIỀU

Người lập/ Kế toán trưởng



NGUYỄN THANH HÀ

Người đại diện theo pháp luật

Phê duyệt, ngày 25 tháng 08 năm 2026

CTY CP DOMENAL

Mã cổ phiếu: DMN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 76/CV/2026/DMN

Đồng Tháp, ngày 29 tháng 08 năm 2026

V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận
giữa niên độ đã được soát xét năm 2026
giảm hơn 10% so giữa niên độ đã được
soát xét năm 2025

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Thực hiện Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Tại Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét năm 2026 có lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp giảm hơn 10% so với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét năm 2025

Giải trình nguyên nhân:

- Cung cầu thị trường cạnh tranh quyết liệt nên giá bán thức ăn thủy sản trong 6 tháng đầu năm 2026 ở mức thấp
- Tình hình lãi suất cho vay vốn ngắn hạn của Ngân hàng tăng cao làm cho chi phí lãi vay của Công ty tăng lên

Vì vậy Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét năm 2026 của Công ty CP Domenal có lợi nhuận sau thuế giảm hơn 10% so lợi nhuận Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét năm 2025.

Tuy nhiên, Công ty con chế biến thủy sản có những lợi thế nhất định và có lợi nhuận tăng trưởng tốt, nên Báo cáo tài chính **hợp nhất** giữa niên độ đã được soát xét năm 2026 vẫn đạt kế hoạch đề ra.

Trân trọng!

Nơi gửi:

- Như kính gửi
- HĐQT, BKS đề b/c
- Công bố thông tin
- Lưu VP Cty



Nguyễn Thanh Hà